

Số: 147/2022/QĐST-HNGĐ

P, ngày 06 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

Căn cứ Điều 212; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 51, 53, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A đều thừa nhận hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A thật sự tự nguyện ly hôn.

[2] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận được với nhau về việc không chia tài sản chung, thỏa thuận với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và việc cấp dưỡng nuôi con;

[3] Sự thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của chị Nguyễn Thị Đ và con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 08/6/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A có một con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 08/6/2020.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 08/6/2020 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Dương thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận: anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 08/6/2020 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 con / 1 tháng bắt đầu từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi kết thúc theo quy định của pháp luật về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận, Anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004670 ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng

